

Bản án số: 516/2022/HS-PT

Ngày: 08 - 8 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh -Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 429/2021/TLPT- HS ngày 02 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn D, Trần Thanh N1, Lê Trường G1 do có kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị T10, bà Nguyễn Thị Thanh T12 và do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 tại V, tỉnh Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 01/12; Tiền án, tiền sự: Chưa; cha Nguyễn Văn T; mẹ Nguyễn Thị T1; Chị, em ruột 05 người, lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất sinh năm 1972; vợ: Hồ Yến N, sinh năm 1992; Con ruột: 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

2. Trần Thanh N1, sinh năm 1985 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 12/12; Tiền án, tiền sự: Chưa; cha Trần Văn T2; mẹ Trần Thị M1; Anh, em ruột 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1992; vợ: Lê Thị Thu T3, sinh năm 1985; Con ruột: 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

3. Lê Trường G1, sinh năm 1974 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T4, xã T5, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ chụp ảnh; Trình độ văn hóa: 12/12; Tiền án: Ngày 25/11/2008, bị Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 17/01/2012 chấp hành xong (đã xóa án tích); tiền sự: Chưa; cha Lê Văn C (chết); mẹ Trương Thị T6; Anh, chị, em ruột 06 người, lớn nhất sinh năm 1957, nhỏ nhất sinh năm 1974; vợ: Lê Thị Ngọc T7, sinh năm 1986; Con ruột: 01 người sinh năm 2017; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2019 đến 17/6/2020 gia đình bảo lãnh cho đến nay. (Bị cáo vắng mặt)

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn D:* Luật sư Dương Minh Biên, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên G1 (có mặt)

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thanh N1:* Luật sư Nguyễn Văn Bảo, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên G1 (có mặt)

- *Người bị hại:*

1. Bà **Trần Thị H3**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 19 đường số 5, khu phố 3, phường L, quận T8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Huệ: Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 1964; Địa chỉ: 14/20 đường 22, khu phố 4, phường L1, quận T8, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bà **Phạm Thị Thúy N7**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 12, ấp R, xã H4, Thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (vắng mặt)

3. Bà **Lê Kim T9**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 01, khu phố 1, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (vắng mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị T10**, sinh năm 1975; Địa chỉ: khu phố 5, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T10: Ông Võ Quang T11; địa chỉ: 46B L2, khu phố 5, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (có mặt)

5. Bà **Nguyễn Thị Thanh T12**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T12: Ông **Võ Anh T13**, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 5, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T12, ông Võ Anh T13: Ông Võ Quang T11; địa chỉ: 46B L2, khu phố 5, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Thành D1**, sinh năm 1978; Địa chỉ: 580 P2, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bà **Lê Thị Hằng N2**, sinh năm 1972; Địa chỉ: 485/52 P2, phường 5, quận G2, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Ông **Đoàn Công V1** và bà **Bùi Nam L3**; Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp R, xã H4, Thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (đều vắng mặt)

4. Ông **Tổng Minh T15**, sinh năm 1958; Địa chỉ: 35B khu tái định cư, khu phố 10, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn M2**, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu phố 5, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (có mặt)

5. Bà **Võ Thị L4**, sinh năm 1969; Địa chỉ: khu phố 5, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Võ Thị L4: Luật sư **Võ Văn M2**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên G1 (có mặt)

6. Ông **Nguyễn Hoàng L5**, sinh năm 1964; Địa chỉ: 1348 đường 30/4, khu phố 2, phường V2, thành phố R1, tỉnh Kiên G1 (vắng mặt)

7. Ông **Nguyễn Văn K2**, sinh năm 1967; Địa chỉ: 38 M3, phường V3, thành phố R1, tỉnh Kiên G1 (vắng mặt)

8. Bà **Nguyễn Thị Kiều L6**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 1, phường D, thành phố P1, tỉnh Kiên G1 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến ngày 23/6/2019, Nguyễn Văn D kêu Trần Thanh N1 làm giả giấy xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động để bán cho người khác để chiếm đoạt tiền. D hứa với N1 nếu làm được thì mỗi giấy D cho N1 05 công đất, tiền công đi lại làm giấy D trả. Sau khi bàn bạc xong N1 cung cấp tài liệu, giấy tờ do D cung cấp, đến tiệm chụp hình của Lê Trường G1 ở số 205 đường 30/4, thị trấn D2, huyện P4, tỉnh Kiên Giang, để G1 làm giả bằng cách làm giả chữ ký trưởng ban nhân dân ấp, chữ ký công chứng viên và Scan chữ ký, con mộc, dấu của ấp, phòng công chứng số 2... Mỗi giấy làm giả N1 trả cho G1 tiền công từ 700.000 đồng - 1.500.000 đồng. Khi làm giả giấy tờ xong D kêu bán đất cho nhiều người chiếm đoạt số tiền tổng cộng 3.770.000.000 đồng; Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào tháng 10/2018, Nguyễn Văn D kêu Trần Thanh N1 đi làm giả giấy xác nhận nguồn gốc đất, thửa đất ở ấp S1, xã D3, huyện P4, tỉnh Kiên Giang, diện tích 23 mẫu (tương đương 23ha). N1 đem đến tiệm chụp hình, thuê Lê Trường G1 làm giả 01 đơn xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động thửa đất trên do Nguyễn Văn D đứng tên ghi ngày 15/02/2008, có mộc dấu vuông giả ấp S1, chữ ký trưởng ấp giả Nguyễn Văn T14, lời xác nhận của ấp, N1 trả tiền công cho G1 800.000 đồng, khoảng 02 - 03 ngày N1 giao toàn bộ

giấy tờ làm giả cho D, khi có giấy tờ đất giả D bán cho bà Trần Thị H3 thửa đất diện tích 25 công (25.000m²) với giá 1.250.000.000 đồng, D tiêu xài cá nhân.

* Tại bản kết luận giám định về chữ ký, chữ viết số: 408/KL-KTHS, ngày 30/8/2019, của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Kiên Giang; Kết luận như sau:

1. Chữ ký tên Nguyễn Văn T14 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn T14 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký tên Nguyễn Văn T14 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M13 là do cùng một người ký ra.

3. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M13 là cùng của một người viết ra.

Vụ thứ 2: Vào tháng 11/2018, Nguyễn Văn D kêu Trần Thanh N1 đi làm giả đơn xin xác nhận thành quả lao động trên đất, thửa đất ở ấp S2, xã D3, huyện P4, tỉnh Kiên Giang, diện tích 27 mẫu (27ha) N1 đem đến tiệm chụp hình, thuê Lê Trường G1 làm giả 01 đơn xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động, thửa đất trên do Nguyễn Văn D đứng tên ghi ngày 20/10/2002, có mộc dấu vuông giả ấp S2, chữ ký trưởng ấp giả Phan Văn B2, lời xác nhận của ấp, N1 trả tiền công cho G1 1.000.000 đồng, khoảng 02 - 03 ngày N1 giao toàn bộ giấy tờ làm giả cho D, khi có giấy tờ đất giả D nhờ ông Tống Minh T15 giới thiệu bán cho bà Phạm Thị Thúy N7 thửa đất diện tích 06 công (6.000m²) với giá 1.200.000.000 đồng, D nhận của bà N7 số tiền 350.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

* Tại bản kết luận giám định về chữ viết số: 772/KL-KTHS, ngày 16/01/2020, của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Kiên Giang; Kết luận như sau:

1. Chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Văn D”, dưới mục “Người làm đơn”, “Người ủy quyền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Văn D” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Văn D”, dưới mục “Đứng đơn”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Văn D” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không do cùng một người viết ra.

Vụ thứ 3: Vào tháng 02/2019, Nguyễn Văn D kêu Trần Thanh N1 đi làm giả giấy xác nhận nguồn gốc đất, thửa đất ở ấp S1, xã D3, huyện P4, tỉnh Kiên Giang, diện tích 30ha. N1 đem đến tiệm chụp hình, thuê Lê Trường G1 làm giả 01 đơn xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động thửa đất trên do Nguyễn Văn D đứng tên ghi ngày 10/02/2002, có mộc dấu vuông giả ấp S1, chữ ký trưởng ấp giả Nguyễn Văn T14, lời xác nhận của ấp, N1 trả tiền công cho G1 1.000.000 đồng, khoảng 02 - 03 ngày N1 giao toàn bộ giấy tờ làm giả cho D, khi

có giấy tờ đất giả D bán cho bà Lê Kim T9 thửa đất diện tích 08 công (8.000m²) với giá 1.100.000.000 đồng, khi mua chị T9 yêu cầu hợp đồng mua, bán phải có công chứng hoặc xác nhận của chính quyền địa phương bà T9 mới đồng ý mua, D nói nếu có xác nhận của chính quyền, chi phí làm giấy là 50.000.000 đồng, bà T9 đồng ý (bút lục số: 393, 582, 583, 604, 651).

Cách khoảng 03 - 04 ngày sau, Nguyễn Văn D kêu Trần Thanh N1 đi làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bán cho bà Lê Kim T9. N1 đến tiệm chụp hình, thuê Lê Trường G1 làm giả 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 19/02/2019, người chuyển nhượng Nguyễn Văn D, người nhận chuyển nhượng là bà Lê Kim T9 có mộc dấu vuông giả ấp S1, chữ ký trưởng ấp giả Nguyễn Văn T14, lời xác nhận của ấp, N1 trả tiền công cho G1 1.000.000 đồng, khoảng 02-03 ngày N1 giao toàn bộ giấy tờ làm giả cho D, khi có hợp đồng chuyển nhượng giả D bán cho bà Lê Kim T9 thửa đất diện tích 08 công (8.000m²) với giá 1.100.000.000 đồng, nhận tiền làm giấy 50.000.000 đồng. Tổng cộng D đã chiếm đoạt của bà T9 1.150.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Ngoài ra D còn mượn của bà T9 số tiền 55.000.000 đồng.

* Tại bản kết luận giám định về chữ ký và hình dấu số: 13/KL-KTHS, ngày 10/02/2020, của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Kiên Giang; Kết luận như sau:

1. Chữ ký tên Nguyễn Văn T14, trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký tên Nguyễn Văn T14 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 không do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu mang nội dung “ấp S1 - Ngày.... Tháng..... Năm - TRƯỞNG ẤP”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình mẫu cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M8 đến M10 đóng ra.

Vụ thứ 4: Khoảng tháng 3/2019, Nguyễn Văn D phát hiện bà Võ Thị L4 bán cho bà Nguyễn Thị T10, thửa đất ở ấp R, xã H4, huyện P4, diện tích 18.000m², nên D đứng ra ngăn cản không cho bán, vì thửa đất này là đất của D nếu bà L4 bán phải chia cho D số tiền 700.000.000 đồng, bà L4 không đồng ý vì thửa đất này bà hùn vốn với ông Nguyễn Văn K2 và ông Nguyễn Hoàng L5, mua của ông Đinh Văn H7; nếu là đất của D có giấy tờ chứng minh thì bán sẽ chia D, sau đó D kêu Trần Thanh N1 đi làm giả đơn xin xác nhận thành quả lao động, thửa đất ở ấp R, xã H4, diện tích 18.000m². N1 đến tiệm chụp hình, thuê Lê Trường G1 làm giả 01 đơn xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động thửa đất có diện tích 18.000m² do Nguyễn Văn D đứng tên ghi ngày 17/6/2004, khi có giấy tờ đất giả D và bà Võ Thị L4 bán cho bà Nguyễn Thị T10 và bà Nguyễn Thị Thanh T12 diện tích 14 công (14.000m²) với giá 3.500.000.000 đồng; bà T10, bà T12 trả cho bà L4 3.150.000.000 đồng; bà L4 chia cho D 550.000.000 đồng, ông L5 100.000.000 đồng, ông K2 100.000.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng tháng 6/2019, Nguyễn Văn D kêu Trần Thanh N1 đi làm giả giấy xác nhận nguồn gốc thửa đất ở ấp C3, xã H4, huyện P4, diện tích 10 mẫu (10ha). N1 đến tiệm chụp hình, thuê Lê Trường G1 làm giả 01 đơn xác

nhận nguồn gốc đất diện tích 10 mẫu (10ha) do Nguyễn Văn D đứng tên, N1 trả tiền công cho G1 1.500.000 đồng, sau đó D đã làm thất lạc mất, nên không thu hồi được.

Vụ thứ 6: Vào ngày 23/6/2019, ông Tống Minh T15 đến gặp Nguyễn Văn D và Trần Thanh N1 hỏi nhờ D và N1 có làm giấy ủy quyền công chứng không. Vì thửa đất D bán cho bà Phạm Thị Thúy N7 ở ấp S2, xã D3, huyện P4 với giá 400.000.000 đồng; bà N7 bán lại cho vợ, chồng bà Bùi Nam L3, Đoàn Công V1; ông V1, bà L3 bán lại cho ông Nguyễn Thành D1 với giá 1.800.000.000 đồng (ông V1, bà L3 đã nhận tiền cọc 900.000.000 đồng) với điều kiện phải có giấy ủy quyền thì ông Danh mới đồng ý mua. D nói được và lấy tiền công làm giấy với giá 100.000.000 đồng, ông T15 đồng ý và đưa trước cho D số tiền 50.000.000 đồng, khi nhận tiền xong D điện thoại cho bà Võ Thị L4 nhờ làm giấy ủy quyền, bà L4 hẹn ngày mai trả lời. Đến sáng ngày 24/6/2019, D đưa hồ sơ cho bà L4 và số tiền 2.000.000 đồng tiền công, đến buổi chiều cùng ngày bà L4 trả lời làm không được và trả toàn bộ hồ sơ và số tiền 2.000.000 đồng cho D. Sau đó N1 nói làm được và điện cho ông T15 nói tiền làm giấy ủy quyền, tiền công thêm 50.000.000 đồng, ông T15 đồng ý và đưa cho N1 số tiền 20.000.000 đồng. Khi nhận tiền N1 thuê Lê Trường G1 làm giả 01 giấy ủy quyền có công chứng nội dung người ủy quyền là Nguyễn Văn D, người được ủy quyền là Phạm Thành D5, có dấu, mộc của phòng công chứng số 2 Kiên Giang, chữ ký của công chứng viên Trương Thanh D6, N1 trả tiền công cho G1 1.200.000 đồng. Đến ngày 25/6/2019, N1 đưa cho ông T15 01 giấy ủy quyền giả đã làm trên, ông T15 giao lại cho Nguyễn Thành D1 thì phát hiện giấy ủy quyền giả, nên trình báo Cơ quan Điều tra Công an huyện P4.

* Tại bản kết luận giám định về chữ ký và hình dấu số: 774/KL-KTHS ngày 08/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang; Kết luận:

1. Chữ ký tên Trương Thanh D6 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký tên Trương Thanh D6 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2 - SỞ TƯ PHÁP TỈNH KIÊN GIANG”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A không do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 và M6 đóng ra.

Ngoài ra, quá trình điều tra Nguyễn Văn D khai nhận không có mua, bán đất và nhận tiền của bà Lê Thị Hằng N2, Nguyễn Vĩnh Thùy T16 và bà Sử Thị Kim T17. Việc mua, bán đất cho bà N2, Trang, Trâm là do bà Trần Thị H3 bán. Căn cứ bản kết luận giám định số: 256/LK-KTHS ngày 24/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận: Chữ viết trên văn bản tự thỏa thuận và cam kết ngày 01/3/2019, giấy nhận cọc ngày 20/02/2019 giữa Nguyễn Văn D với bà Lê Thị Hằng N2 là chữ viết của Nguyễn Văn D, ngoài hợp đồng chuyển nhượng thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác thể hiện D bán đất cho bà

N2 diện tích 10 công, với số tiền 650.000.000 đồng. Đối với hợp đồng mua đất trên văn bản tự thỏa thuận và cam kết đề ngày 20/02/2019 giữa Nguyễn Văn D với bà Nguyễn Vĩnh Thùy T16, qua giám định không đủ cơ sở kết luận, chữ ký trên biên nhận tiền bán đất ngày 31/01/2019 giữa Nguyễn Văn D với bà Nguyễn Vĩnh Thùy T16, giám định kết luận không phải chữ viết của Nguyễn Văn D, do đó không đủ cơ sở kết luận D bán đất cho bà T9. Riêng phần đất bà Sử Thị Kim T17 mua của Nguyễn Văn D ngày 29/01/2019, do bà Trâm không cung cấp được hồ sơ gốc nên không trưng cầu giám định được, nên không có cơ sở kết luận việc bà Trâm mua đất của Nguyễn Văn D. Nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Kiên Giang không đề nghị truy tố.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn D khai nhận đã trả tiền công làm giấy tờ giả cho Trần Thanh N1 số tiền 310.000.000 đồng, việc trả tiền không làm biên nhận, chứng từ, không có người chứng kiến; nên không có cơ sở để kết luận Trần Thanh N1 đã nhận tiền của Nguyễn Văn D 310.000.000 đồng.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, quyết định:*

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thanh N1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Trần Thanh N1 và bị cáo Lê Trường G1 phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 05 (Năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N1 08 (Tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh N1 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 10 (Mười) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trường G1 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 19/7/2019 đến ngày 17/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị H3 số tiền 1.250.000.000 đồng;
- Bà Phạm Thị Thúy N7 số tiền 350.000.000 đồng;
- Bà Lê Kim T9 số tiền 1.205.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị T10 và vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T12 số tiền 550.000.000 đồng;
- Ông Tống Minh T15 số tiền 50.000.000 đồng
- Buộc bị cáo Trần Thanh N1 phải hoàn trả cho ông Tống Minh T15 số tiền 20.000.000 đồng. Khấu trừ vào biên lai thu tiền số 07355 ngày 28/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.
- Buộc ông Tống Minh T15 phải hoàn trả cho bà Phạm Thị Thúy N7 số tiền 70.000.000 đồng.
- Buộc bà Võ Thị L4 phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T10, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T12, ông Võ Anh T13 số tiền 2.500.000.000 đồng, tiền lãi 517.500.000 đồng; tổng cộng 3.017.500.000 đồng.
- Buộc ông Nguyễn Hoàng L5 phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T10, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T12, ông Võ Anh T13 số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi 20.700.000 đồng; tổng cộng 120.700.000 đồng.
- Buộc ông Nguyễn Văn K2 phải hoàn trả cho bà Võ Thị L4 số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

- Ngày 09-16/6/2021, các bị hại là bà Nguyễn Thị T10, bà Nguyễn Thị Thanh T12 có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phân trách nhiệm dân sự và phân trách nhiệm hình sự do bỏ lọt tội phạm là bà Võ Thị L4.

- Ngày 24/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án để điều tra, xét xử lại.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo D có quan điểm như sau: Thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà L4 có quan điểm như sau: Thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị; những bị hại Nguyễn Thị T10 và Nguyễn Thị Thanh T12 có đơn kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm và phân trách nhiệm dân sự.

Qua xem xét, đánh giá các chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cũng như yêu cầu kháng cáo và quan điểm kháng nghị, thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án này đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ, việc xác định chứng cứ cũng như căn cứ xác định tội phạm chưa phù hợp với tình tiết, hậu quả của vụ án; việc xử lý vật chứng không đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

[1] Cáp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, dẫn đến việc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm như sau:

Ở lần phạm tội thứ 4 cho thấy: Thời gian khoảng tháng 03/2019, khi biết đối tượng Võ Thị L4 bán cho bà Nguyễn Thị T10 diện tích đất 18.000 m² tại ấp R, xã H4, huyện P4, bị cáo Nguyễn Văn D đã đứng ra ngăn cản việc mua bán này vì cho rằng, đây là đất của bị cáo. Bị cáo đã đưa ra điều kiện rằng, nếu bà L4 bán diện tích đất này thì phải chia cho bị cáo số tiền 700.000.000 đồng, bà L4 không đồng ý và yêu cầu bị cáo D nêu cho rằng đất của mình thì phải có giấy tờ chứng minh. Bị cáo D sau đó đã yêu cầu bị cáo N1 làm giả giấy tờ xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động này và do D đứng tên.

Sau khi có giấy tờ do D đưa, bà L4 đã bán ½ thửa đất này với diện tích 14.000 m² cho bà Nguyễn Thị T10 và Nguyễn Thị Thanh T12 lấy số tiền 3.150.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền này từ những người bị hại, bà L4 đưa cho bị cáo D 550.000.000 đồng, đưa cho ông L5, ông K2 mỗi người 100.000.000 đồng.

Như vậy, ở trường hợp này có thể thấy rằng bản thân bà L4 cũng biết đây không phải là tài sản của mình. Quá trình điều tra, bà L4 khai cho rằng diện tích đất này bà đã cùng hùn với ông L5, ông K2 mua lại của ông Đinh Văn H7 nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh. Và đặc biệt, khi có tài liệu giả là giấy xác nhận nguồn gốc và thành quả lao động giả đối với thửa đất này do bị cáo D đưa, bà L4 đã dùng tài liệu này để người bị hại tin tưởng và giao tiền. Hơn nữa, trong tổng số tiền chiếm đoạt này bà L4 đã hưởng phần lớn. Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trả hồ sơ điều tra bổ sung nhằm xác định hành vi của bà L4 là có cơ sở. Việc cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Kiên Gi giữ nguyên quan điểm truy tố là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Theo đó, ở trường hợp này cần phải tiến hành điều tra làm rõ rằng: dựa trên cơ sở nào bà L4 chuyển nhượng đất cho những người bị hại, trong khi diện tích đất này không phải là của bà? Động cơ, mục đích của bà L4 trong trường hợp này là gì? Tương tự cũng cần làm rõ hành vi của các đối tượng Nguyễn Hoàng L5 và Nguyễn Văn K2 để xử lý theo quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của những người bị hại và quan điểm kháng nghị về nội dung này là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[2] Việc xác định số tiền chiếm đoạt:

Cũng đối với số tiền chiếm đoạt ở lần này, hậu quả trực tiếp xảy ra đối với những người bị hại được xác định là 3.150.000.000 đồng. Việc cấp sơ thẩm cho rằng ở trường hợp này, do bị cáo D chỉ được bà L4 chia và hưởng lợi 550.000.000 đồng để từ đó xác định đây là số tiền chiếm đoạt là không phù hợp. Bởi lẽ, những người bị hại trong trường hợp này bị chiếm đoạt số tiền 3.150.000.000 đồng có nguyên nhân, cũng như mối liên hệ trực tiếp từ hành vi gian dối. Nói cách khác, những người bị hại Nguyễn Thị T10 và Nguyễn Thị Thanh T12 bị chiếm đoạt thực tế số tiền 3.150.000.000 đồng chính vì tin vào hành vi gian dối.

[3] Về việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn D và đồng phạm về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu, hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thấy rằng:

Đối với hành vi làm giả “*Giấy xác nhận nguồn gốc đất và thành quả lao động*” của Ban nhân dân ấp xét thấy: Theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu, hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thì khách thể bị xâm hại ở tội phạm này được xác định là hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức. Như vậy, ở trường hợp này cần phải xác định “Ban nhân dân ấp” có phải là Cơ quan hành chính Nhà nước hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân hay không? Trong khi đó, theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Ban nhân dân ấp không được xem là cấp chính quyền địa phương. Đây là vấn đề cần làm rõ và xác định chính xác nhằm làm cơ sở cho định tội danh và định khung hình phạt theo đúng luật định. Trong khi đó, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn D chỉ đạo các bị cáo N1 liên hệ bị cáo G1 làm giả giấy xác nhận có chữ ký của Trưởng ban nhân dân ấp để thực hiện hành vi lừa đảo là 04 lần (các lần 1,2,3,4).

Đồng thời, đối với bị cáo N1 và G1 có hành vi làm giả 01 lần Giấy ủy quyền có công chứng với nội dung: người ủy quyền Nguyễn Văn D, người được ủy quyền là ông Danh, có dấu, mộc của Phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang, chữ ký của Công chứng viên Trương Thanh D6. Ở lần phạm tội này, bị cáo N1 thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng; bị cáo N1 thuê bị cáo G1 làm giả giấy tờ này và trả công cho bị cáo này 1.200.000 đồng. Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo là không chính xác.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đây là vụ án mà các bị cáo được xác định và người có quyền, nghĩa vụ liên quan (theo án sơ thẩm) có trách nhiệm phải hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt (cũng như tiền do phạm tội mà có), Tòa án cấp sơ thẩm buộc người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L4 và ông Nguyễn Hoàng L5 phải chịu thêm khoản tiền lãi suất là không phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số tiền sau khi chiếm đoạt từ bị hại, bà L4 đã đưa cho ông Nguyễn Hoàng L5 và ông Nguyễn Văn K2 mỗi người 100.000.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có, vì vậy cần phải được thu hồi và trả cho người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Nguyễn Hoàng L5 phải trả số tiền 100.000.000 đồng cho những người bị hại là đúng, nhưng lại tuyên buộc ông K2 hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng này cho bà Võ Thị L4 là mâu thuẫn và không đúng pháp luật.

[6] Tóm lại: Như đã nhận định ở trên, do trong quá trình giải quyết vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót về thu thập chứng cứ, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (bỏ lọt tội phạm) và áp dụng pháp luật. Những thiếu sót này đã ảnh hưởng tới việc giải quyết đúng đắn vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người bị hại gồm bà Nguyễn Thị T10 và Nguyễn Thị Thanh T12. Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 40/2021/HS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang để điều tra và giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tiếp tục giam giữ các bị cáo Nguyễn Văn D và Trần Thanh N1 để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Văn Kết

Lê Thành Long

Phạm Công Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam tỉnh Kiên Giang;
(Để tổng đạt Bản án cho bị cáo)
- Bị cáo tại ngoại;
- Bị hại;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 31bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười